

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 1

MỤC LỤC

A. VĂN BẢN NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC

1. Nghị quyết 174/2024/QH15 của Quốc hội Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV ban hành ngày 30/11/2024
2. Nghị định 172/2024/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 27/12/2024 hướng dẫn Luật Đấu giá tài sản 2016 được sửa đổi bởi Luật Đấu giá tài sản 2024
3. Nghị định 175/2024/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 30/12/2024 hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng
4. Nghị định 180/2024/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 31/12/2024 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 174/2024/QH15

MỤC LỤC

B. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

1. Công văn 5887/TCT-KK 2024 ngày 13/12/2024 của Tổng cục Thuế về cấp mã số thuế nộp thay thuế nhà thầu cho nhà thầu phụ nước ngoài
2. Công văn 31786/CTBDU-TTHT ngày 18/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương về chính sách thuế nhà thầu
3. Công văn 8783/CTDAN-TTHT ngày 15/11/2024 của Cục Thuế Thành phố Đà Nẵng về việc kê khai thuế của chi nhánh khác tỉnh với trụ sở chính
4. Công văn 5908/CTCTH-TTHT ngày 16/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Cần Thơ về hướng dẫn chính sách thuế
5. Công văn 2795/CCT-NV ngày 10/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Phú Yên về thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng và doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp
6. Công văn 4289/CCTTP-TTBTBK ngày 20/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Bình Định về điều chỉnh thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ
7. Công văn 6007/TCT-CS ngày 17/12/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng
8. Công văn 6068/TCT-DNNCN ngày 18/12/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế thu nhập cá nhân
9. Công văn 10875/CTHDU-TTHT ngày 18/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Hải Dương trả lời về chính sách thuế thu nhập cá nhân
10. Công văn 6016/TCT-CS ngày 17/12/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế tài nguyên
11. Công văn 6039/TCT-CS ngày 17/12/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường
12. Công văn 31789/CTBDU-TTHT ngày 18/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương về chính sách thuế đối với hàng hóa tồn kho phải tiêu hủy

A. VĂN BẢN NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC



Ngày 30/11/2024 ban hành Nghị quyết 174/2024/QH15 của Quốc hội Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, theo đó:

- Tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a mục 1.1 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025
- -Từ 14/01/2025, ngừng miễn thuế hàng hóa nhập khẩu giá trị nhỏ gửi qua chuyển phát nhanh...

Ngày 27/12/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 172/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu giá tài sản, trong đó quy định hình thức xử lý vi phạm người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy.

Hình thức xử lý vi phạm người trúng đấu giá quyền sử dụng đất vi phạm nghĩa vụ tài chính

Theo đó, hình thức xử lý vi phạm người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản ngày 01/01/2025 như sau:

Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị cấm tham gia đấu giá đối với loại tài sản đó như sau:



Cấm tham gia đấu giá từ 02 năm đến 05 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá;

- Cấm tham gia đấu giá từ 06 tháng đến 03 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá.

Quyết định cấm tham gia đấu giá

Quyết định cấm tham gia đấu giá từ ngày 01/01/2025 bao gồm các nội dung:

- Tên cơ quan có thẩm quyền;
- Tên tổ chức, cá nhân bị cấm;
- Thời gian cấm;
- Phạm vi cấm;
- Hiệu lực thi hành: ngày có hiệu lực và ngày kết thúc hiệu lực.

Lưu ý:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định hủy quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấm tham gia đấu giá xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia đấu giá đối với người trúng đấu giá đối với loại tài sản đó.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấm tham gia đấu giá, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấm tham gia đấu giá có trách nhiệm gửi quyết định cấm tham gia đấu giá đến tổ chức, cá nhân bị xử lý và cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời gửi đến Bộ Tư pháp và phải đăng tải trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân bị cấm tham gia đấu giá không đồng ý với quyết định cấm tham gia đấu giá thì có quyền khiếu nại, khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật.

Nghị định 172/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, thay thế Nghị định 62/2017/NĐ-CP và Nghị định

Ngày 30/12/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 175/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, trong đó có nội dung hướng dẫn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Hướng dẫn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Căn cứ theo Điều 13 Nghị định 175/2024/NĐ-CP hướng dẫn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng như sau:

(1) Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật Xây dựng 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020.

(2) Các quy hoạch được sử dụng làm căn cứ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là lập dự án đầu tư xây dựng) gồm:

(i) Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung của vùng liên huyện, vùng huyện: quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng;

(ii) Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung đô thị, khu chức năng: quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung khu chức năng là căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng. Trường hợp pháp luật về quy hoạch không yêu cầu lập quy hoạch chung thì quy hoạch phân khu là cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung;

(iii) Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình ngầm: quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch không gian ngầm hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành là căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng;

(iv) Đối với các dự án được hình thành từ quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành theo pháp luật về quy hoạch



(v) Đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng: quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phương án quản lý rừng bền vững và Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật lâm nghiệp là căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng;

(vi) Đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: quy hoạch di tích theo pháp luật về di sản văn hóa là căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng;

(vii) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng ở các khu vực không yêu cầu lập quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành: phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận là căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng;

(viii) Trường hợp dự án được đầu tư xây dựng tại khu vực đã ổn định về chức năng sử dụng đất không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết đô thị theo pháp luật về quy hoạch đô thị: thiết kế đô thị riêng hoặc quy chế quản lý kiến trúc là cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng;

(ix) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng sửa chữa, cải tạo giữ nguyên quy mô, chức năng hiện hữu của các công trình xây dựng thì không yêu cầu lập quy hoạch làm căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng;

(x) Đối với các dự án còn lại: quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (lập theo quy trình rút gọn) là căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng.

(3) Khi lập dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư hoặc người được giao chuẩn bị dự án được điều chỉnh một số nội dung cụ thể sau:

(i) Điều chỉnh về bố cục, hình khối, thông số kỹ thuật công trình khi bảo đảm các chỉ tiêu, thông số trong quy hoạch xây dựng được duyệt về chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ giới xây dựng, quy định về quản lý không gian và thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc (nếu có), quy chuẩn về quy hoạch xây dựng;

(ii) Điều chỉnh một số chỉ tiêu, thông số trong văn bản về quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư được duyệt khi không thuộc trường hợp có yêu cầu phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo hình thức PPP

Ngày 31/12/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 180/2024/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 174/2024/QH15, trong đó quy định rõ các hàng hóa, dịch vụ được tiếp tục giảm 2% thuế GTGT từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025.

Tiếp tục giảm 2% thuế GTGT

Nghị định nêu rõ, giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

(i) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất.

(ii) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

(ii) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin.

Việc giảm thuế GTGT cho từng loại hàng hóa, dịch vụ nêu trên được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại.

+ Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế GTGT.

Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế GTGT.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế GTGT đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 và không được giảm thuế GTGT.

Nghị định cũng nêu rõ mức thuế suất GTGT 8% sẽ được áp dụng cho các cơ sở kinh doanh kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế khi tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế.

Nghị định 180/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.



B. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

Ngày 13/12/2024 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 5887/TCT-KK 2024 về cấp mã số thuế nộp thay thuế nhà thầu cho nhà thầu phụ nước ngoài, theo đó :

Nhà thầu nước ngoài có Văn phòng điều hành tại Việt Nam và đã được cơ quan thuế cấp mã số thuế để kê khai, nộp thuế nhà thầu trực tiếp với cơ quan thuế thì Văn phòng nhà thầu tại Việt Nam được xác định là bên Việt Nam có trách nhiệm kê khai, nộp thuế thay nhà thầu phụ nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Do đó, Văn phòng nhà thầu tại Việt Nam thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 6 Điều 7 Thông tư số 105/2020/TT-BTC để thực hiện kê khai, nộp thuế thay cho nhà thầu phụ nước ngoài.

Ngày 18/12/2024 Cục Thuế tỉnh Bình Dương ban hành Công văn 31786/CTBDU-TTHT về chính sách thuế nhà thầu, theo đó :

Trường hợp Công ty ký hợp đồng với tổ chức nước ngoài để cung cấp máy móc thiết bị cho Công ty thì tổ chức nước ngoài có nghĩa vụ nộp thuế nhà thầu đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam theo quy định.

Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để kê khai trực tiếp thuế tại Việt Nam nêu tại Điều 8 Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì khi thanh toán tiền cho đối tác nước ngoài Công ty có trách nhiệm tính thuế GTGT, thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên; thực hiện kê khai theo quy định tại điểm n khoản 4 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: Theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 nêu trên.

Ngày 15/11/2024 Cục Thuế Thành phố Đà Nẵng ban hành Công văn 8783/CTDAN-TTHT về việc kê khai thuế của chi nhánh khác tỉnh với trụ sở chính, theo đó :

- Về thuế GTGT: Trường hợp Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp chế xuất không có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam thì không phải là người nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nên không phải nộp hồ sơ khai thuế GTGT theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.
- Về thuế TNDN: Tại hồ sơ do Chi nhánh cung cấp không thể hiện Chi nhánh có đầy đủ hồ sơ đáp ứng điều kiện ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ nên trường hợp Chi nhánh là cơ sở sản xuất thì Công ty có trách nhiệm khai thuế, tính thuế, phân bổ và nộp thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điều 17 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
- Về thuế TNCN: Trường hợp tiền lương, tiền công của người lao động làm việc tại Chi nhánh do Công ty (trụ sở chính) chi trả thì Chi nhánh không phải lập hồ sơ khai thuế thuế TNCN, Công ty có trách nhiệm thực hiện khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo quy định và nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu số 05/KK-TNCN, phụ lục bảng xác định số thuế TNCN phải nộp cho các địa phương được hưởng nguồn thu theo Mẫu 05-1/PBT-KK-NCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của Công ty (trụ sở chính); nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công vào ngân sách nhà nước cho từng trình nơi người lao động làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 12 và điểm a.1 khoản 3 Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.



Ngày 16/12/2024 Cục Thuế tỉnh Cần Thơ ban hành Công văn 5908/CTCTH-TTHT về hướng dẫn chính sách thuế, theo đó :

- Về thuế TNDN: Các khoản khoản chi công tác phí, các khoản hỗ trợ chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nếu đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC, tiết b Điểm 2.5 Khoản 2 Điều 6 (được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018) Thông tư số 78/2014/TT-BTC, khoản 4 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN và không bị khống chế tỷ lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13.
- Về thuế TNCN: Các khoản chi công tác phí cho người lao động thực tế đi công tác phù hợp theo quy định tại điểm đ.4 khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC và không thuộc trường hợp quy định tại tiết b Điểm 2.5 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động.

Ngày 10/12/2024 Cục Thuế tỉnh Phú Yên ban hành Công văn 2795/CCT-NV về thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng và doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó :

- Thời điểm xác định thuế GTGT là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

Ngày 20/12/2024 Cục Thuế tỉnh Bình Định ban hành Công văn 4289/CCTTP-TTTBTK về điều chỉnh thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ, theo đó :

Trường hợp Công ty đã kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Nay điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, thực hiện khai bổ sung làm giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau thì phải kê khai vào kỳ tính thuế hiện tại chỉ tiêu 37 trên tờ khai thuế GTGT.

Ngày 17/12/2024 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 6007/TCT-CS về chính sách thuế giá trị gia tăng, theo đó :

“Thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam” thì hàng hóa từ doanh nghiệp nội địa (doanh nghiệp Việt Nam) xuất cho thương nhân nước ngoài và thương nhân nước ngoài chỉ định giao hàng tại Việt Nam không được xác định là hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP nêu trên, không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Trường hợp doanh nghiệp nội địa giao hàng cho doanh nghiệp chế xuất theo chỉ định của thương nhân nước ngoài thì đề nghị Cục Thuế xác định việc đáp ứng điều kiện về hợp đồng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được áp dụng thuế suất 0% theo quy định.

Ngày 18/12/2024 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 6068/TCT-DNNCN về chính sách thuế thu nhập cá nhân, theo đó:

Trường hợp chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc là cha vợ, mẹ vợ trong năm tính thuế 2023 thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và có đăng ký giảm trừ.



Ngày 18/12/2024 Cục Thuế tỉnh Hải Dương ban hành Công văn 10875/CTHĐU-TTHT trả lời về chính sách thuế thu nhập cá nhân, theo đó:

Trường hợp Công ty chi tiền hỗ trợ cho người lao động bị thiệt hại do bão gây ra thì khoản thu nhập này thuộc trường hợp được miễn thuế thu nhập cá nhân nếu khoản tiền chi hỗ trợ thuộc các quỹ từ thiện được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo không nhằm mục đích thu lợi nhuận.

Trường hợp người lao động gặp khó khăn do thiên tai làm ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế TNCN thì được xét giảm thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 54 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính.

Ngày 17/12/2024 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 6016/TCT-CS về chính sách thuế tài nguyên, theo đó:

Đối với loại tài nguyên không xác định được giá bán đơn vị tài nguyên khai thác do có chứa nhiều chất khác nhau thì giá tính thuế là giá bán đơn vị tài nguyên của từng chất, được xác định căn cứ tổng doanh thu bán tài nguyên trong tháng (chưa có thuế GTGT) tính cho từng chất có trong tài nguyên khai thác theo tỷ lệ hàm lượng của từng chất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm phê duyệt và sản lượng tài nguyên bán ra ghi trên chứng từ bán hàng tương ứng với từng chất theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC nêu trên. Về việc xác định giá bán đơn vị tài nguyên theo ví dụ 8, khoản 2, Điều 6, Thông tư 152/2015/TT-BTC chỉ là ví dụ minh họa, trong thực tế thực hiện, việc xác định giá tính thuế phải căn cứ tỷ lệ hàm lượng từng chất và sản lượng tài nguyên bán ra ghi trên chứng từ bán hàng tương ứng từng chất.

Ngày 17/12/2024 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 6039/TCT-CS về chính sách thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, theo đó:

Trường hợp doanh nghiệp khai thác khoáng sản thuộc đối tượng chịu phí theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP nêu trên thì phải thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2024 Cục Thuế tỉnh Bình Dương ban hành Công văn 31789/CTBDU-TTHT về chính sách thuế đối với hàng hóa tồn kho phải tiêu hủy, theo đó :

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp nếu Công ty có hàng hóa tồn kho bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hóa hết hạn sử dụng buộc phải tiêu hủy thì:

Về thuế GTGT: thuế GTGT đầu vào của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất (do hư hỏng) không được bồi thường thì được khấu trừ nếu đáp ứng về điều kiện khấu trừ theo hướng dẫn tại khoản 10 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC. Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh các trường hợp tổn thất không được bồi thường để khấu trừ thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC nêu trên.

Về thuế TNDN: hàng hóa bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hóa hết hạn sử dụng, không được bồi thường thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC.

Các thông tin trên Bản tin của Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Bản tin này nhằm chuyển tới Quý vị các thông tin khái quát không bao gồm toàn bộ các nội dung cụ thể có liên quan và không được sử dụng như các thông tin tư vấn cụ thể. Các tổ chức/cá nhân nếu muốn áp dụng các quy định khái quát trong tài liệu này vào trường hợp cụ thể nào đó đều cần phải có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi. Do vậy Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM sẽ không chịu bất cứ thiệt hại do kết quả của việc người đọc chỉ dựa vào các thông tin khái quát trong tài liệu này.

A close-up photograph of a vibrant pink flower, possibly a peach blossom, with green leaves and a dark branch. The flower is in sharp focus, while the background is blurred.

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân,
TP. Hà Nội, Việt Nam
Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Tầng 3, tòa B Cao ốc Văn phòng VG
Building, Số 235 Nguyễn Trãi,
Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam
Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368

CN TP. HỒ CHÍ MINH

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Anh Safomec7/1
Thành Thái, P. 14, Q.10,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc Toản P. Trần
Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội, Việt Nam
Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269